

Bản án số: 249/2024/DS-ST

Ngày: 13/8/2024

V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN A – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Hồng Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Hiệp

2. Ông Trần Đức Nhì

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hoài – Thư ký Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận A - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: bà Đỗ Thị Anh Đào – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 187/2023/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2023, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 143/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 141/2024/QĐST-HPT ngày 06 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương T.

Địa chỉ: Phường G, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng; Địa chỉ liên lạc: Phường H, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Nguyễn Mậu Minh Nhật, sinh năm 2000; Địa chỉ liên lạc: Phường H, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- Bị đơn:

1/ Ông Trương Phú C, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Phường F, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh;

(có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

2/ Bà Lý Vương Ánh N, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Phường D, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh;

Nơi cư trú: Phường PS, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/7/2021, đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, Ngân hàng Thương mại cổ phần

Việt Nam Thương T do ông Nguyễn Mậu Minh N là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 09/3/2017, Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương T (sau đây viết tắt là Ngân hàng) ký kết với ông Trương Phú C và bà Lý Vương Ánh N Hợp đồng tín dụng trả góp và Phụ lục hợp đồng số PCT.CN.03090317 (gọi chung là Hợp đồng vay), với nội dung: Ngân hàng cho ông C và bà N vay số tiền là 350.000.000đ (ba trăm năm mươi triệu đồng), mục đích vay là tiêu dùng; thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày bên vay nhận tiền vay lần đầu; Lãi suất cho vay là 9,3%/năm trong 03 tháng đầu tiên, từ tháng thứ 4 trở đi, lãi suất vay thay đổi theo công thức: Lãi suất vay = Lãi suất cơ sở + 1,5%/năm và thay đổi theo thông báo lãi suất cho vay từng thời kỳ; Lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn; Từ ngày 10/01/2018, lãi suất cho vay áp dụng đối với bên vay là cán bộ nhân viên nghỉ việc: lãi suất cơ sở + 6,25%/năm. Phương thức thanh toán: Trả gốc và lãi theo lịch trả nợ mà Ngân hàng và khách hàng đã ký kết. Thực hiện Hợp đồng vay, ngày 13/3/2017, Ngân hàng đã giải ngân số tiền 350.000.000đồng cho ông C và bà N theo 04 Khế ước nhận nợ số PCT.CN.03090317/KUNN-01 tại tài khoản vay 000000026242; PCT.CN.03090317/KUNN-02 tại tài khoản vay 000000026241; PCT.CN.03090317/KUNN-03 tại tài khoản vay 000000026240; PCT.CN.03090317/KUNN-04 tại tài khoản vay 000000026239, tất cả đều là tài khoản vay của ông Trương Phú C. Khoản vay này không có tài sản bảo đảm (vay tín chấp). Từ ngày 01/02/2018, ông C và bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không tiếp tục thanh toán số tiền đã vay cho Ngân hàng theo đúng thỏa thuận.

Do ông C và bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương T khởi kiện đề nghị Tòa án:

- Buộc ông Trương Phú C và bà Lý Vương Ánh N thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng trả góp và Phụ lục hợp đồng số PCT.CN.03090317 ngày 09/3/2017 và các khế ước nhận nợ PCT.CN.03090317/KUNN-01; PCT.CN.03090317/KUNN-02; PCT.CN.03090317/KUNN-03; PCT.CN.03090317/KUNN-04 cùng ngày 13/3/2017 tạm tính đến ngày 13/8/2024 là 758.795.372đồng (trong đó bao gồm nợ gốc là 299.408.237đồng, lãi trong hạn là 180.103.131đồng, lãi quá hạn là 197.718.610đồng, phạt chậm trả là 81.565.394đồng). Ngân hàng yêu cầu ông C và bà N trả làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Đồng thời, yêu cầu ông C và bà N vẫn phải tiếp tục trả lãi/phí phát sinh từ ngày 14/8/2024 theo mức lãi suất quá hạn mà hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ.

- Trong trường hợp ông C, bà N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng được quyền xác minh và đề nghị Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại các tài sản thuộc sở hữu của ông Trương Phú C và bà Lý Vương Ánh N để thu hồi nợ.

Tại bản tự khai ngày 25/3/2024, bị đơn là bà Lý Vương Ánh N trình bày:

Tại thời điểm Ngân hàng cho vay thì bà đang có con nhỏ, ở nhà nuôi con, không có việc làm, đang ở nhà mượn, mọi kinh tế phụ thuộc vào ông C. Bà không

có lên Ngân hàng làm việc về khoản vay. Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ nêu trên đều do ông C mang về cho bà ký không có nội dung cụ thể, số tiền vay được giải ngân vào tài khoản của ông Trương Phú C, bà hoàn toàn không biết. Những chữ ký nháy trong các tờ khế ước nhận nợ không phải là của bà, chữ ký ở cuối văn bản là chữ ký của bà. Bà không yêu cầu giám định đối với chữ ký nháy trong các văn bản này. Bà không đồng ý cùng ông C thanh toán khoản nợ nêu trên cho Ngân hàng vì bà không sử dụng khoản tiền vay trên.

Tại bản tự khai ngày 26/6/2024, bị đơn là ông Trương Phú C trình bày: Do khoản vay phát sinh trong lúc ông còn làm cho Ngân hàng, sau đó ông bị bắt và cho đến thời điểm bây giờ ông không có khả năng thanh toán. Ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nhưng mong muốn Ngân hàng có chính sách giảm lãi cho ông. Khoản nợ này hình thành trong thời kỳ hôn nhân nên ông đề nghị phía bà N phải có trách nhiệm liên đới cùng ông trả nợ cho Ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận A tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án nhưng đều yêu cầu giải quyết vắng mặt. Việc đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Viện kiểm sát nhân dân Quận A đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, ông Trương Phú C, bà Lý Vương Ánh N thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 13/8/2024 là 758.795.372đồng (trong đó bao gồm nợ gốc là 299.408.237đồng, lãi trong hạn là 180.103.131đồng, lãi quá hạn là 197.718.610đồng, phạt chậm trả là 81.565.394đồng) và thanh toán tiền lãi phát sinh sau ngày xét xử cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương T khởi kiện yêu cầu ông Trương Phú C và bà Lý Vương Ánh N phải thanh toán tiền vốn vay, tiền lãi theo Hợp đồng tín dụng trả góp và Phụ lục hợp đồng số PCT.CN.03090317 ngày 09/3/2017 và khế ước nhận nợ PCT.CN.03090317/KUNN-01; PCT.CN.03090317/KUNN-02; PCT.CN.03090317/KUNN-03; PCT.CN.03090317/KUNN-04 cùng ngày 13/3/2017. Mục đích vay tiền là để tiêu dùng. Như vậy, đây là tranh chấp về dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Nơi cư trú của bị đơn theo Hợp đồng tín dụng là tại Phường 2, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương T và bị đơn là ông Trương Phú C và bà Lý Vương Ánh N có đơn đề nghị giải quyết vắng

mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Căn cứ Hợp đồng tín dụng trả góp và Phụ lục hợp đồng số PCT.CN.03090317 ngày 09/3/2017 và khế ước nhận nợ PCT.CN.03090317/KUNN-01; PCT.CN.03090317/KUNN-02; PCT.CN.03090317/KUNN-03; PCT.CN.03090317/KUNN-04 cùng ngày 13/3/2017 được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín với ông Trương Phú C và bà Lý Vương Ánh N cũng như lời trình bày của đương sự có đủ cơ sở xác định ông Trương Phú C và bà Lý Vương Ánh N đã vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín số tiền 350.000.000đồng và đến nay vẫn chưa thanh toán. Theo chứng cứ mà Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín cung cấp thì từ ngày 01/02/2018, ông Trương Phú C và bà Lý Vương Ánh N đã vi phạm hợp đồng tín dụng là không trả nợ gốc và lãi theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký. Ngân hàng đã chuyển khoản vay của ông Trương Phú C và bà Lý Vương Ánh N sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 13/8/2024, ông C và bà N còn nợ Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng trả góp và Phụ lục hợp đồng số PCT.CN.03090317 ngày 09/3/2017 và khế ước nhận nợ PCT.CN.03090317/KUNN-01; PCT.CN.03090317/KUNN-02; PCT.CN.03090317/KUNN-03; PCT.CN.03090317/KUNN-04 cùng ngày 13/3/2017 tổng số tiền là 758.795.372đồng (trong đó bao gồm nợ gốc là 299.408.237đồng, lãi trong hạn là 180.103.131đồng, lãi quá hạn là 197.718.610đồng, phạt chậm trả là 81.565.394đồng).

[3] Xét ý kiến của bị đơn là ông Trương Phú C và bà Lý Vương Ánh N: bà N xác định có ký tên vào cuối Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ, như vậy, bà có biết và đồng ý về việc bà và ông C ký kết hợp đồng tín dụng để vay tiền của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín. Bà N cho rằng vào thời điểm ký hợp đồng vay bà đang có con nhỏ, ở nhà nuôi con, không có việc làm, đang ở nhà nương, mọi kinh tế phụ thuộc vào ông C, số tiền vay cũng được giải ngân vào tài khoản của ông C, bà không biết nên bà không đồng ý cùng có trách nhiệm trả nợ với ông C. Hội đồng xét xử xét thấy: Khoản vay này được hình thành trong thời kỳ hôn nhân, bà N cũng xác định vào thời điểm vay bà N đang nuôi con nhỏ, không đi làm, không có thu nhập, mọi kinh tế gia đình phụ thuộc vào ông C. Như vậy, có thể xác định tài sản hình thành trong giai đoạn này do ông C tạo lập ông C có đem về sử dụng cho các nhu cầu của gia đình, vì vậy, cả ông C và bà N cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ đối với số tiền ông C và bà N đã vay là có căn cứ.

Như vậy, Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín khởi kiện yêu cầu ông Trương Phú C và bà Lý Vương Ánh N thanh toán toàn bộ số nợ tạm tính đến ngày 28/9/2023 mà ông C và bà N còn nợ Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng trả góp và Phụ lục hợp đồng số PCT.CN.03090317 ngày 09/3/2017 và khế ước nhận nợ PCT.CN.03090317/KUNN-01; PCT.CN.03090317/KUNN-02; PCT.CN.03090317/KUNN-03; PCT.CN.03090317/KUNN-04 cùng ngày 13/3/2017 tổng số tiền là 758.795.372đồng (trong đó bao gồm nợ gốc là 299.408.237đồng, lãi trong hạn là 180.103.131đồng, lãi quá hạn là

197.718.610đồng, phạt chậm trả là 81.565.394đồng) và thanh toán tiền lãi phát sinh sau ngày xét xử cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận.

Về thời hạn thanh toán: thanh toán làm một lần kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] **Về án phí:** Ông Trương Phú C và bà Lý Vương Ánh N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là: 20.000.000đồng + 4% (758.795.372đồng – 400.000.000đồng) = 34.351.815đồng (ba mươi bốn triệu ba trăm năm mươi một nghìn tám trăm mười lăm đồng).

Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương T không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng; Căn cứ Điều 4, 319, 320, 322, 323, 342, 343 Bộ luật dân sự 2005; Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016; Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1/ Buộc ông Trương Phú C và bà Lý Vương Ánh N phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương T số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng trả góp và Phụ lục hợp đồng số PCT.CN.03090317 ngày 09/3/2017 và kế ước nhận nợ PCT.CN.03090317/KUNN-01; PCT.CN.03090317/KUNN-02; PCT.CN.03090317/KUNN-03; PCT.CN.03090317/KUNN-04 cùng ngày 13/3/2017 với tổng số tiền là 758.795.372đồng (trong đó bao gồm nợ gốc là 299.408.237đồng, lãi trong hạn là 180.103.131đồng, lãi quá hạn là 197.718.610đồng, phạt chậm trả là 81.565.394đồng), thời hạn thanh toán: Thanh toán làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2/ Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Trương Phú C và bà Lý Vương Ánh N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng mà các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương T thì lãi suất mà ông Trương Phú C và bà Lý Vương Ánh N phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương T theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trương Phú C và bà Lý Vương Ánh N phải nộp án phí là 34.351.815đồng (ba mươi bốn triệu ba trăm năm mươi một nghìn tám trăm mười lăm đồng).

- Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương T không phải nộp án phí, trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.954.996đ (mười ba triệu chín trăm năm mươi bốn nghìn chín trăm chín mươi sáu đồng) theo biên lai thu số 0038509 ngày 01/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận A.

4/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

5/ Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;

- Viện kiểm sát nhân dân Quận A;
- Chi cục thi hành án dân sự Quận A;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thị Hồng Nga